

KẾ HOẠCH
Hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra và tổ chức kiểm tra
định kỳ từ năm học 2025-2026

Thực hiện Công văn số 107/PVHXXH ngày 20/8/2025 của Phòng Văn hoá-Xã hội xã Thanh Tùng về việc hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra và tổ chức kiểm tra định kì đối với học sinh Tiểu học kể từ năm học 2025 - 2026.

Để việc đánh giá định kì học sinh tiểu học đảm bảo yêu cầu theo quy định (Theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học), đáp ứng mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Trường Tiểu học Tân Điền xây dựng Kế hoạch hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra và tổ chức kiểm tra định kì đối với học sinh kể từ năm học 2025 - 2026 như sau:

I. XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

1. Công tác chuẩn bị

- Nhà trường triển khai, quán triệt về ý nghĩa, mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT trong đội ngũ nhà giáo của đơn vị; tuân thủ đầy đủ định hướng về đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Tổ chức nghiên cứu chương trình các môn học có bài kiểm tra định kì (Các môn gồm: Tiếng Việt, Toán, Ngoại ngữ, Lịch sử và Địa lí; Khoa học, Tin học, Công nghệ), để xác định nội dung trọng tâm, các chủ đề, mạch kiến thức, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của từng môn học, từng lớp phục vụ cho việc xây dựng ma trận, đề kiểm tra.

- Hướng dẫn cụ thể việc ra đề kiểm tra và tổ chức kiểm tra định kì của đơn vị trong từng giai đoạn, trong đó thống nhất chung về ma trận, cấu trúc đề, thời điểm kiểm tra.

- Các Tổ chuyên môn và giáo viên tổ chức kiểm tra, rà soát việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học của từng khối lớp; tổ chức ôn tập kiến thức, rèn kĩ năng và hoàn thành các nội dung giáo dục theo quy định của chương trình trước khi tiến hành kiểm tra, đánh giá.

2. Xây dựng đề kiểm tra

2.1. Nội dung, cấu trúc, mức độ đề kiểm tra

- Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, các Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng và tính bảo mật của đề kiểm tra; các môn học

được đánh giá định kì qua bài kiểm tra phải có 01 đề chính thức và ít nhất 01 đề dự phòng.

- Đề kiểm tra phải đảm bảo tính chính xác và khoa học để đánh giá đúng thực chất kết quả học tập của học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện; đánh giá được phẩm chất, năng lực của học sinh theo quy định của chương trình.

- Nội dung kiểm tra được xác định theo chương trình môn học/hoạt động giáo dục đến thời điểm kiểm tra; kiểm tra những nội dung kiến thức cơ bản, cốt lõi của các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của chương trình (*chuẩn đầu ra*).

- Cấu trúc, tỉ lệ kiến thức trong đề kiểm tra định kì phải đủ các mức độ (**mức 1, mức 2, mức 3**); phân bố hợp lí giữa hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận (*Phụ lục kèm theo*); thời gian làm bài từ 35-40 phút/môn (*trừ một số môn học có đặc thù riêng*).

2.2. Quy trình xây dựng đề kiểm tra định kì gồm các bước chủ yếu sau

- Bước 1: Xác định mục đích đánh giá.
- Bước 2: Xây dựng nội dung đánh giá, ma trận đề kiểm tra.
- Bước 3: Xây dựng các câu hỏi/bài tập theo ma trận đề kiểm tra.
- Bước 4: Dự kiến phương án trả lời (*đáp án*) các câu hỏi/bài tập ở bước 3 và thời gian làm bài.
- Bước 5: Thiết kế bảng hướng dẫn chấm điểm cho từng câu hỏi/bài tập.
- Bước 6: Thử nghiệm nhiều câu hỏi/bài tập trong đề kiểm tra; điều chỉnh và hoàn thiện đề kiểm tra dựa trên kết quả thử nghiệm (*rà soát lại các câu hỏi/bài tập, mức độ dựa vào yêu cầu ở bước 1, bước 2*).

II. TỔ CHỨC KIỂM TRA, CHẤM BÀI

- Nhà trường chỉ đạo giáo viên trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua đánh giá thường xuyên và các bài kiểm tra định kì bằng các hình thức phù hợp.

- Thời điểm tổ chức kiểm tra định kì được tiến hành sau khi học sinh đã hoàn thành chương trình môn học, lớp học của từng giai đoạn học tập, rèn luyện theo khung kế hoạch thời gian năm học, cụ thể:

- + Giữa học kì I: Tuần 9 và Tuần 10;
- + Cuối học kì I: Tuần 17 và Tuần 18;
- + Giữa học kì II: Tuần 27 và Tuần 28;
- + Cuối năm học: Tuần 34 và Tuần 35.

- Bố trí thời gian, thời điểm đánh giá cần linh hoạt, phù hợp nhằm tạo điều kiện cho tất cả học sinh đều được đánh giá định kì, mỗi học sinh có thể được đánh giá ở một hoặc các hình thức và thời điểm khác nhau nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng cho các em. Đặc biệt, không gây áp lực, căng thẳng cho học sinh khi đánh giá và có giải pháp hỗ trợ, đánh giá phù hợp đối với học sinh gặp khó khăn

trong học tập.

* **Riêng đối với lớp 5:** Nhà trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở trên cùng địa bàn phân công giáo viên tham gia việc coi, chấm kiểm tra định kì cuối năm học tại trường tiểu học; Việc tổ chức chấm bài kiểm tra bảo đảm nghiêm túc, khách quan, công bằng, gọn nhẹ, đúng mục đích, yêu cầu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN SAU KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

1. Đối với nhà trường

- Sau mỗi lần kiểm tra định kì, chỉ đạo tổ chức sinh hoạt chuyên môn để phân tích đề kiểm tra, kết quả học tập của học sinh, so sánh với cùng kì; có thể so sánh với các trường tiểu học trên cùng địa bàn để đánh giá mặt bằng chất lượng giáo dục.

- Triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng học sinh **“ngồi nhàn lớp”**; đổi mới hoạt động kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá.

- Cuối năm học, tổ chức nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định; cung cấp các thông tin cần thiết của mỗi học sinh cho giáo viên được nhận bàn giao.

2. Đối với Tổ trưởng chuyên môn

- Tổ trưởng trực tiếp xây dựng ma trận đề, ra đề kiểm tra, hướng dẫn chấm, đáp án cho các lần kiểm tra định kỳ (*theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, tại khoản 2, điểm c Điều 12*). Trước khi tiến hành xây dựng ma trận đề, đề kiểm tra thực hiện tốt một số yêu cầu sau:

+ Bước 1: Xác định mục đích đánh giá.

+ Bước 2: Xây dựng nội dung đánh giá, ma trận đề kiểm tra.

+ Bước 3: Xây dựng các câu hỏi/bài tập theo ma trận đề kiểm tra.

+ Bước 4: Dự kiến phương án trả lời (*đáp án*) các câu hỏi/bài tập ở bước 3 và thời gian làm bài.

+ Bước 5: Thiết kế bảng hướng dẫn chấm điểm cho từng câu hỏi/bài tập.

+ Bước 6: Thử nghiệm nhiều câu hỏi/bài tập trong đề kiểm tra; điều chỉnh và hoàn thiện đề kiểm tra dựa trên kết quả thử nghiệm (*rà soát lại các câu hỏi/bài tập, mức độ dựa vào yêu cầu ở bước 1, bước 2*).

- Cấu trúc, tỉ lệ kiến thức trong đề kiểm tra định kì phải đủ các mức độ (**mức 1, mức 2, mức 3**); phân bố hợp lí giữa hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận. Bài kiểm tra phải có 01 đề chính thức và ít nhất 01 đề dự phòng. Thời gian làm bài từ 35-40 phút/môn.

- Các Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng đề, việc bảo mật đề kiểm tra. Đặc biệt tránh sai sót khi xây dựng ma trận đề

và đề kiểm tra định kỳ, kể cả việc hướng dẫn chấm và đáp án.

3. Đối với giáo viên

- Theo dõi, cập nhật, lưu trữ đầy đủ minh chứng về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh trong từng giai đoạn để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá trong giai đoạn tiếp theo.

- Đối chiếu giữa kết quả đánh giá thường xuyên và định kỳ, so sánh cùng kì năm học trước, phân loại kết quả học tập của học sinh để làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch dạy học và có giải pháp phù hợp giúp học sinh củng cố, bổ sung kiến thức, đạt yêu cầu về phẩm chất, năng lực theo quy định của chương trình.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng đề kiểm tra và tổ chức kiểm tra định kỳ đối với học sinh kể từ năm học 2025 - 2026. Nhà trường đề nghị Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên triển khai thực hiện theo đúng tinh thần Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về nhà trường để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường;
- Các đoàn thể, giáo viên;
- Lưu: VT, (Thanh).

Phụ lục I

Hướng dẫn ra đề kiểm tra định kỳ

(Kèm theo Kế hoạch số 34/KH-THTĐ ngày 03/9/2025)

của Trường Tiểu học Tân Điền)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tỷ lệ đánh giá các mức có thể phân bố trong đề kiểm tra như sau:

+ Mức 1: 40% (*nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập*).

+ Mức 2: 40-50% (*kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự*).

+ Mức 3: 10-20% (*vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống*).

- **Cấu trúc:** Câu hỏi/bài tập được sắp xếp từ dễ đến khó, phân bố hợp lý giữa hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đề kiểm tra.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

I. MÔN TIẾNG VIỆT

1. Quy định chung

- Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3: 02 lần/năm học (*vào thời điểm cuối học kì I và cuối năm học*); đối với lớp 4, lớp 5: 04 lần/năm học (*vào thời điểm giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học*).

- Xây dựng nội dung đánh giá và ma trận đề trước khi thiết kế đề kiểm tra.

- Đề kiểm tra định kì được biên soạn dựa vào yêu cầu cần đạt (*chuẩn đầu ra*) theo quy định của Chương trình GDPT môn Ngữ văn cấp tiểu học; gồm 2 bài kiểm tra: Bài kiểm tra đọc (10 điểm) và Bài kiểm tra viết (10 điểm). Điểm kiểm tra định kì (điểm chung) là trung bình cộng điểm của 2 bài kiểm tra đọc và viết, được làm tròn 0,5 thành 1 (*chỉ làm tròn 1 lần*).

2. Cấu trúc đề kiểm tra định kì

2.1. Lớp 1

2.1.1. Bài kiểm tra đọc: 10 điểm

* *Kiểm tra đọc thành tiếng (kiểm tra từng học sinh): 6 điểm*

- Nội dung kiểm tra: Đọc âm, vần; đọc tiếng, từ, câu; đọc đoạn văn, văn bản ngắn.

Nội dung kiểm tra đọc thành tiếng cần tập trung kiểm tra kỹ năng đọc âm, vần, tiếng, từ, câu (thời điểm cuối học kì I); đọc câu, đoạn văn, văn bản ngắn (thời điểm cuối năm học).

- Thời gian kiểm tra: Giáo viên kết hợp kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh qua các tiết ôn tập ở cuối học kì.

* *Kiểm tra đọc hiểu (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 4*

- Nội dung kiểm tra: Nói vần, tiếng, ... phù hợp với hình ảnh hoặc từ, ... cho trước; đọc câu hoặc đoạn văn, văn bản ngắn rồi trả lời câu hỏi đơn giản liên quan đến nội dung của câu, đoạn văn, văn bản đó bằng hình thức trắc nghiệm (đúng, sai;

điền khuyết; lựa chọn kết quả đúng; ..).

Căn cứ yêu cầu cần đạt đọc hiểu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 1 và thời điểm đánh giá, xây dựng nội dung kiểm tra đọc hiểu đảm bảo phù hợp, đánh giá được năng lực học sinh.

- Thời gian làm bài kiểm tra: khoảng 30 - 35 phút (tùy theo nội dung kiểm tra).

2.2.1. Bài kiểm tra viết: 10 điểm

- Kiểm tra viết chính tả (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 6 điểm
- Nội dung kiểm tra: Viết vần, từ; viết câu; viết đoạn thơ, đoạn văn.

Nội dung kiểm tra kỹ năng viết đúng chính tả cần tập trung kiểm tra kỹ năng viết vần, từ, câu bằng hình thức nhìn - chép (thời điểm cuối học kì I); viết câu, đoạn thơ, đoạn văn bằng hình thức nghe - viết (thời điểm cuối năm học).

- Thời gian viết: khoảng 15 phút.

*** Bài tập (thực hành viết): 4 điểm**

- Nội dung kiểm tra: Điền âm, vần, ... thích hợp vào chỗ chấm để tạo thành từ, câu (chủ yếu kiểm tra đặt dấu thanh đúng vị trí, viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ c, k, g, gh, ng, ngh); chọn từ phù hợp để viết dưới tranh; viết từ hoặc câu phù hợp với nội dung tranh; viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.

Căn cứ yêu cầu cần đạt viết môn Tiếng Việt lớp 1 và thời điểm đánh giá, xây dựng nội dung kiểm tra đảm bảo phù hợp, đánh giá được năng lực học sinh.

- Thời gian kiểm tra: khoảng 10 - 15 phút (tùy theo nội dung bài tập).

2.2. Lớp 2, lớp 3

2.2.1. Bài kiểm tra đọc: 10 điểm

* Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng học sinh): 4 điểm.

- Nội dung kiểm tra: Học sinh đọc một đoạn/bài không có trong sách giáo khoa mà học sinh đã học (có độ dài theo quy định của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3; do giáo viên lựa chọn và chuẩn bị trước, ghi rõ tên bài, tên sách, đoạn đọc, số trang, ... vào phiếu cho từng học sinh bốc thăm rồi đọc thành tiếng); trả lời 1 câu hỏi đơn giản về nội dung đoạn/bài đọc do giáo viên nêu ra.

- Thời gian kiểm tra: Giáo viên kết hợp kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh qua các tiết ôn tập ở cuối học kì.

* Kiểm tra đọc hiểu, kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 6 điểm

- Nội dung kiểm tra:

+ Học sinh đọc thầm 1 văn bản (câu chuyện, bài văn, bài thơ, ...) không có trong sách giáo khoa mà học sinh đã học (độ dài của văn bản theo quy định về ngữ liệu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3) và trả lời câu hỏi/thực hiện bài tập kiểm tra kỹ năng đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt bằng hình thức trắc nghiệm

hoặc tự luận.

+ Câu hỏi trắc nghiệm khách quan thường dùng để kiểm tra gồm: câu hỏi có 3 - 4 phương án trả lời để học sinh chọn 1 phương án trả lời; câu hỏi yêu cầu điền ngắn (*1 từ hoặc cụm từ, dấu câu, ... vào chỗ trống*); câu hỏi nối cặp đôi; câu hỏi đúng - sai phức hợp; ...

+ Câu hỏi tự luận (câu hỏi mở) từ 1 - 2 câu dùng để: nêu ý kiến cá nhân về một chi tiết trong bài đọc, nêu ý kiến giải thích ngắn về một chi tiết trong bài đọc, viết câu có các hiện tượng từ vựng, ngữ pháp đã học, ...

- Phân bố điểm cho các nội dung được kiểm tra như sau (*gợi ý*):

+ Đọc hiểu văn bản: 4 điểm;

+ Kiến thức, kĩ năng tiếng Việt: 2 điểm.

Điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (mức 1): 0,5 điểm; mỗi câu trả lời câu hỏi mở (mức 2, mức 3): 1 điểm.

- Thời gian kiểm tra: khoảng 35 - 40 phút (*tùy theo nội dung kiểm tra*).

2.2.2. Bài kiểm tra viết: 10 điểm

* *Kiểm tra viết chính tả (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 4 điểm*

- Nội dung kiểm tra: Giáo viên đọc cho học sinh cả lớp viết (*nghe - viết*) một đoạn văn (hoặc thơ) phù hợp với chủ điểm đã học (*có độ dài theo quy định của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3*).

Lưu ý: lựa chọn ngữ liệu mới để học sinh viết chính tả.

- Thời gian kiểm tra: khoảng 15 phút.

* *Kiểm tra viết đoạn văn (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 6 điểm*

- Nội dung kiểm tra: Học sinh viết đoạn văn ngắn (*đối với lớp 2*), đoạn văn, văn bản (*đối với lớp 3*) theo một trong các yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết đoạn văn, văn bản được quy định trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3; đề kiểm tra viết đoạn văn nhằm đánh giá tổng hợp các kĩ năng: viết chữ, viết chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn theo yêu cầu của chương trình.

- Phân bố điểm cho các nội dung được kiểm tra như sau (*gợi ý*): Điểm đánh giá nội dung: 3 điểm; điểm đánh giá kĩ năng: 3 điểm.

Trên cơ sở phân bố điểm đánh giá trên, tổ chuyên môn cụ thể các mức điểm đánh giá từng tiêu chí đảm bảo phù hợp.

- Thời gian kiểm tra: khoảng 35 - 40 phút.

2.3. Lớp 4, lớp 5

2.3.1. Bài kiểm tra đọc: 10 điểm

* *Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng học sinh): 2 điểm*

- Nội dung kiểm tra: Học sinh đọc một đoạn/văn bản không có trong sách giáo khoa mà học sinh đã học (*có độ dài theo quy định của Chương trình GDPT môn*

Ngữ văn lớp 4, lớp 5; do giáo viên lựa chọn và chuẩn bị trước, ghi rõ tên bài, tên sách, đoạn đọc, số trang, ... vào phiếu cho từng học sinh bốc thăm rồi đọc thành tiếng); trả lời 1 câu hỏi đọc hiểu nội dung đoạn/bài đọc do giáo viên nêu ra.

- Thời gian kiểm tra: Giáo viên kết hợp kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh qua các tiết ôn tập ở cuối học kì.

** Kiểm tra đọc hiểu, kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 8 điểm*

- Nội dung kiểm tra: Học sinh đọc thầm 1 văn bản (*câu chuyện, bài văn, bài thơ, ...*) không có trong sách giáo khoa mà học sinh đã học (độ dài của văn bản theo quy định về ngữ liệu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 4, lớp 5) và trả lời câu hỏi/thực hiện bài tập kiểm tra kĩ năng đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt bằng hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận.

- Phân bố điểm cho các nội dung được kiểm tra như sau (gợi ý):

+ Đọc hiểu văn bản: khoảng 5 điểm, gồm: 4 câu hỏi trắc nghiệm, 3 câu hỏi tự luận;

+ Kiến thức tiếng Việt: khoảng 3 điểm, gồm: 2 câu hỏi trắc nghiệm, 2 câu hỏi tự luận.

Điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (mức 1): 0,5 điểm; mỗi câu trả lời câu hỏi mở (mức 2, mức 3): 1 điểm.

- Thời gian kiểm tra: khoảng 35 - 40 phút (*tùy theo nội dung kiểm tra*).

2.3.2. Bài kiểm tra viết: 10 điểm

- Nội dung kiểm tra: Học sinh viết đoạn văn, văn bản theo một trong các yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết đoạn văn, văn bản được quy định trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 4, lớp 5; đề kiểm tra viết đoạn văn, văn bản nhằm đánh giá tổng hợp các kĩ năng: viết chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn/bài văn theo yêu cầu của chương trình. Không sử dụng các đề bài đã học để kiểm tra định kì.

- Phân bố điểm đánh giá nội dung kiểm tra viết gồm các tiêu chí như sau (gợi ý):

+ Nội dung và cấu trúc (*cấu tạo và sắp xếp ý đoạn/bài văn*): 4 điểm;

+ Sử dụng ngôn ngữ (*dùng từ, đặt câu*): 3 điểm;

+ Sáng tạo ý và lời văn: 1 điểm;

+ Chính tả: 2 điểm.

Trên cơ sở phân bố điểm đánh giá trên, tổ chuyên môn cụ thể các mức điểm đánh giá từng tiêu chí đảm bảo phù hợp.

+ Thời gian kiểm tra: khoảng 35 - 40 phút.

II. CÁC MÔN HỌC CÒN LẠI

1. Môn Toán

- Xây dựng câu hỏi/bài tập theo 3 mức độ. Tỉ lệ số câu, số điểm theo các mức và hình thức câu hỏi cần đảm bảo theo yêu cầu cần đạt, phù hợp với đối tượng học

sinh; số câu hỏi trắc nghiệm khách quan khoảng 70-80%, số câu hỏi tự luận khoảng 20-30%.

- Hình thức đề kiểm tra: Kết hợp tự luận với trắc nghiệm khách quan; phối hợp đa dạng câu hỏi các hình thức trên.

- Tăng cường câu hỏi mở, các bài tập phát huy năng lực tính toán, năng lực tư duy, và năng lực giải quyết vấn đề của học sinh.

2. Môn Khoa học

- Việc xác định các nội dung đánh giá để đưa vào bài kiểm tra cũng giống như các môn khác phải dựa trên những mục tiêu giáo dục đã được cụ thể hóa theo yêu cầu cần đạt.

- Mức độ kiểm tra: Mức 1+2 khoảng 60 - 70%; Mức 3 khoảng 30 - 40%.

- Cấu trúc đề: Kết hợp trắc nghiệm và tự luận, khoảng 10-12 câu, trong đó số câu tự luận khoảng 20%, số câu trắc nghiệm khoảng 80%.

3. Môn Lịch sử và Địa lí

- Nội dung kiểm tra được cân đối theo các mạch kiến thức: Lịch sử khoảng 50%, Địa lí khoảng 50%.

- Tùy theo từng Tổ (khối) có thể đưa ra tỉ lệ các mức phù hợp (như phân hướng dẫn chung); số câu hỏi trắc nghiệm khách quan khoảng 60%, tự luận khoảng 40%.

4. Môn Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)

- Đánh giá định kì cần hướng tới mục tiêu phát triển giao tiếp, thực hiện đánh giá cả 4 kĩ năng *nghe, nói, đọc, viết*. Bài kiểm tra *nghe, đọc, viết* cần mang tính chất đại diện cho toàn bộ các nội dung đã học trong từng học kì.

- Có thể tách riêng hoặc gộp chung kĩ năng *đọc, viết*. Kiểm tra kĩ năng *nói* được tiến hành riêng trước hoặc sau bài kiểm tra *nghe, đọc, viết*.

- Giáo viên chủ động lựa chọn nhiệm vụ đánh giá (loại hình bài tập) và số lượng câu hỏi phù hợp với nội dung học tập cần đánh giá. Nên sử dụng từ 2 đến 4 loại nhiệm vụ đánh giá cho một kĩ năng và không quá 30 câu hỏi cho một bài kiểm tra.

- Tỉ lệ kiểm tra các kĩ năng (*Lớp 3: nghe khoảng 40%, nói khoảng 20%, đọc khoảng 20%, viết khoảng 20%; lớp 4: nghe khoảng 30%, nói khoảng 20%, đọc khoảng 25%, viết khoảng 25%; lớp 5: các tỉ lệ ngang bằng nhau, 25% cho mỗi kĩ năng*).

- Học sinh học bộ sách giáo khoa nào, đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách đó; điểm bài kiểm tra là kết quả tổng cộng của 4 kĩ năng trên (*0,5 làm tròn thành 1*).

5. Môn Tin học

- Giáo viên cần xây dựng các tiêu chuẩn tham chiếu phù hợp với nội dung giảng dạy để làm cơ sở xây dựng hệ thống ma trận đề, đánh giá đúng năng lực của học sinh và phù hợp với thực tế dạy học của nhà trường.

- Cấu trúc đề: Bài tập lý thuyết khoảng 30-40% (3-4 điểm), bài tập thực hành 60-70% (6-7 điểm).

- Khuyến khích ra đề kiểm tra lý thuyết dưới dạng trắc nghiệm, có thể sử dụng các phần mềm tạo trắc nghiệm để chuẩn bị sẵn cho học sinh làm bài ngay trên máy tính.

- Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có từ 2 bài tập trở lên từ cơ bản (thực hành theo mẫu) đến nâng cao (thực hành sáng tạo).

6. Môn Công nghệ

- Chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống khác nhau, đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ sau một giai đoạn học tập, rèn luyện.

- Chủ yếu sử dụng bài kiểm tra viết (trắc nghiệm và tự luận) về nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, sử dụng công nghệ, đánh giá công nghệ và thiết kế kỹ thuật.

** Lưu ý: Việc xác định tỉ lệ kiến thức, cấu trúc đề trên chỉ mang tính chất tương đối, tham khảo; tùy tình hình thực tế ở các tổ chuyên môn và đặc thù riêng của một số môn học cần vận dụng một cách khoa học, linh hoạt, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của từng đối tượng học sinh./.*

Phụ lục 2

Gợi ý ma trận nội dung kiểm tra đọc hiểu, kiến thức tiếng Việt lớp 2, lớp 3

*(Kèm theo Kế hoạch số 34/KH-THTĐ ngày 03/9/2025
của Trường Tiểu học Tân Điền)*

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
		TN/TL	TN/TL	TN/TL	
Kiến thức tiếng Việt	Số câu	2 TN	1 TL		3 câu
	Số điểm	1	1		2 điểm
Đọc hiểu văn bản	Số câu	4 TN	1 TL	1 TL	6 câu
	Số điểm	2	1	1	4 điểm
Tổng	Số câu	6 TN	2 TL	1 TL	9 câu
	Số điểm	3	2	1	6 điểm

Từ ma trận trên, căn cứ yêu cầu cần đạt theo quy định của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3 để xây dựng ma trận chi tiết.

Nội dung đánh giá	Yêu cầu cần đạt (Kiến thức - Kỹ năng)	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
			TN/TL	TN/TL	TN/TL	
Độc hiểu Văn bản (truyện/miêu tả/thơ/thông tin) khoảng ... chữ	Độc hiểu nội dung (căn cứ vào yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3)	Số câu				
		Số điểm				
	Độc hiểu hình thức (căn cứ vào yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3)	Số câu				
		Số điểm				
	Liên hệ, so sánh, kết nối (căn cứ vào yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3)	Số câu				
		Số điểm				
Kiến thức tiếng Việt <i>Nội dung đánh giá</i>	Từ vựng (căn cứ vào yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3)	Số câu				
		Số điểm				
	Ngữ pháp (căn cứ vào yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3)	Số câu				
		Số điểm				
	Hoạt động giao tiếp (căn cứ vào yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn lớp 2, lớp 3)	Số câu				
		Số điểm				
Tổng <i>(đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt)</i>		Số câu				
		Số điểm				

*** Dựa vào gợi ý trên, Tổ trưởng tổ chuyên môn xây dựng ma trận nội dung kiểm tra các môn còn lại của các lớp đảm bảo yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình./.**